

Số: /BC-UBND

Krông Nô, ngày tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi Ngân sách đến ngày 30/9/2024  
và nhiệm vụ trọng tâm 03 tháng cuối năm 2024  
trên địa bàn huyện Krông Nô**

(phục vụ Hội nghị ngày 11/10/2024)

### I. Về thu NSNN trên địa bàn

Tổng số thu NSNN trên địa bàn thực hiện đến ngày 30/9/2024 là 119.787/165.300 triệu đồng, đạt 75% dự toán tỉnh và 72% dự toán huyện giao, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước (86.924/119.787 triệu đồng) (Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm). Trong đó: Phần huyện quản lý thu là 92.370/123.700 triệu đồng, đạt 75% dự toán huyện giao. Cụ thể như sau:

#### 1. Thu nội địa

Tổng số thu nội địa thực hiện năm 2024, tính đến ngày 30/9/2024 là 119.787 triệu đồng, đạt 75% dự toán tỉnh và 76% dự toán huyện giao, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- **Thu thuế, phí và lệ phí:** Tổng số thuế, phí và lệ phí thực hiện là 75.123 triệu đồng, đạt 78% dự toán tỉnh và 76% dự toán huyện giao, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước (61.253/75.123 triệu đồng). cụ thể:

+ Thu từ khu vực quốc doanh là 15.926 triệu đồng, đạt 76% so với dự toán tỉnh và huyện giao (15.926/20.980), giảm 02% so với cùng kỳ năm trước (15.926/16.295).

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh là 27.317 triệu đồng, đạt 68% so với dự toán tỉnh (27.317/40.160) và đạt 65% so với dự toán huyện giao (27.317/42.160), tăng 26% so với cùng kỳ năm trước (27.317/21.641).

+ Thu Lệ phí trước bạ thu được 12.206 triệu đồng, đạt 94% so với dự toán tỉnh và huyện giao (12.206/13.000), tăng 40% so với cùng kỳ năm trước (12.206/8.694).

+ Công tác thu phí, lệ phí thu là 3.712 triệu đồng đạt 92% dự toán tỉnh và huyện giao (3.712/4.020), tăng 32% so với cùng kỳ năm trước (3.712/4.020).

+ Thuế TNCN thu được 11.966 triệu đồng, đạt 93% so với dự toán tỉnh và huyện giao (11.966/12.860), tăng 39% so với cùng kỳ năm trước (11.966/8.604).

+ Tiền cho thuê đất thu được 923 triệu đồng, đạt 62% so với dự toán tỉnh và huyện giao (923/1.500), giảm 40% so với cùng kỳ năm trước (923/1.500).

- **Thu biện pháp tài chính:** Tổng số thu biện pháp tài chính thực hiện là 44.664 triệu đồng, đạt 71% dự toán tỉnh (44.664/63.050) và 67% dự toán huyện giao (44.664/67.050), tăng 74% so với cùng kỳ năm trước (44.664/25.671) triệu đồng; trong đó: thu tiền sử dụng đất là 40.398 triệu đồng (thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất 26.808,466 triệu đồng, thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất 13.589,534 triệu đồng).

**2. Thu huy động đóng góp:** Chưa phát sinh số thu.

## II. Về chi NSNN

Tổng số chi ngân sách huyện thực hiện đến hết ngày 30/9/2024 là 395.953 triệu đồng, đạt 61% dự toán tỉnh (395.953/945.873) và huyện giao (395.953/651.473), tăng 2% so với số chi cùng kỳ năm trước (395.953/397.592). Bao gồm:

### 1. Chi đầu tư phát triển

Tổng số giải ngân năm đến ngày 30/9/2024 là 41.426 triệu đồng, đạt 57% KH vốn tỉnh (41.426/72.819) và 59 % KH vốn huyện giao (41.426/70.619), giảm 48% so với cùng kỳ năm trước (354.527/308.657 triệu đồng).

### 2. Chi thường xuyên

Tổng số chi thường xuyên thực hiện đến 30/9/2024 là 354.527 triệu đồng, đạt 70% dự toán tỉnh (354.527/505.571) và đạt 69% dự toán huyện giao (354.527/513.371), tăng 15% so với cùng kỳ năm trước (354.527/308.657 triệu đồng)

*(Chi tiết các khoản chi theo Phụ lục 02 đính kèm)*

## III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 03 THÁNG CUỐI NĂM 2024

- Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch thu ngân sách năm 2024 do UBND huyện ban hành, phấn đấu đến 31/12/2024 thu đạt 100% kế hoạch đề ra.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, thúc đẩy tăng trưởng, chú trọng các thế mạnh và tiềm năng của huyện để khai thác nguồn thu mới, tạo nguồn thu bền vững. Thường xuyên đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ thu NSNN để có giải pháp chỉ đạo, điều hành kịp thời.

- Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế; duy trì và tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 94/2019/NQ-QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN, Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/NQ-QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN.

- Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cần tập trung

chỉ đạo sát sao các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế tăng cường công tác quản lý thu trên địa bàn, nắm chắc nguồn thu, chủ động đề ra các giải pháp phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu, đặc biệt là các khoản thu liên quan đến đất đai, kinh doanh bất động sản, tài nguyên khoáng sản, xây dựng nhà ở tư nhân, sản xuất và mua bán nông sản... Quyết liệt chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế; giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu NSNN.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán (nếu có).

- Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

+ Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý chi NSNN chặt chẽ, theo dự toán được giao, đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

+ Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả để dành nguồn lực cho các trường hợp bất khả kháng, khắc phục hậu quả thiên tai; cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện thu, chi Ngân sách đến ngày 30/9/2024 và phương hướng các tháng cuối năm trên địa bàn huyện Krông Nông./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.Trang

**CHỦ TỊCH**

**Ngô Xuân Hà**

**PHỤ LỤC 02**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024**

*DVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Thực hiện đến ngày 30/9/2024	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ %		
	UBND Tỉnh giao	HĐND Huyện giao			TH/ cùng kỳ năm trước	TH/ DT tỉnh giao	TH/ DT huyện giao
<b>TỔNG CHI NS HUYỆN (I+II+III)</b>	<b>645.873</b>	<b>651.473</b>	<b>395.953</b>	<b>387.592</b>	<b>102%</b>	<b>61%</b>	<b>61%</b>
<b>I/ Chi đầu tư phát triển</b>	<b>72.819</b>	<b>70.619</b>	<b>41.426</b>	<b>78.935</b>	<b>52%</b>	<b>57%</b>	<b>59%</b>
<b>II/ Chi thường xuyên</b>	<b>505.571</b>	<b>513.371</b>	<b>354.527</b>	<b>308.657</b>	<b>115%</b>	<b>70%</b>	<b>69%</b>
1. Chi sự nghiệp kinh tế		45.171	25.086	22.085	114%		56%
2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	268.605	268.605	197.188	165.092	119%	73%	73%
3. Chi sự nghiệp văn hóa		5.967	6.233	4.246	147%		104%
4. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		783	768	453	170%		98%
5. Chi sự nghiệp thể dục thể thao		678	677	343	197%		100%
6. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội		25.110	14.833	15.369	97%		59%
7. Chi quản lý hành chính		109.010	78.258	66.158	118%		72%
8. Chi quốc phòng		4.281	6.265	4.729	132%		146%
9. Chi an ninh		2.034	1.226	1.773	69%		60%
10. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		601	785	823	95%		131%
11. Chi sự nghiệp y tế		46.101	19.768	23.505	84%		43%
12. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	300	300		58		0%	0%
13. Chi khác ngân sách		4.731	3.440	4.023	86%		73%
<b>III/ Chi chương trình MTQG</b>	<b>58.129</b>	<b>58.129</b>					
<b>III/ Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>9.354</b>	<b>9.354</b>			<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>

**PHỤ LỤC 01**  
**TỔNG HỢP THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2024**

*DVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Thực hiện đến ngày 30/9/2024	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ %		
	UBND Tỉnh giao	HĐND Huyện giao			TH/ DT tỉnh giao	TH/ DT huyện giao	TH/ cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)</b>	<b>159.300</b>	<b>165.300</b>	<b>119.787</b>	<b>86.924</b>	75	72	138
<i>Trong đó: Phần huyện quản lý thu</i>	<i>117.700</i>	<i>123.700</i>	<i>92.370</i>	<i>63.072</i>	78	75	146
<b>A. CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN</b>	<b>159.300</b>	<b>165.300</b>	<b>119.787</b>	<b>86.924</b>	75	72	138
<b>I. THU THUẾ &amp; PHÍ</b>	<b>96.250</b>	<b>98.250</b>	<b>75.123</b>	<b>61.253</b>	78	76	123
<i>Trong đó: Phần huyện quản lý thu</i>	<i>54.650</i>	<i>56.650</i>	<i>47.706</i>	<i>37.401</i>	87	84	128
<b>1. Thu từ khu vực quốc doanh</b>	<b>20.980</b>	<b>20.980</b>	<b>15.926</b>	<b>16.295</b>	76	76	98
<b>1.1. Thu từ DNNNTW</b>	<b>20.510</b>	<b>20.510</b>	<b>15.412</b>	<b>15.958</b>	75	75	97
- Thuế giá trị gia tăng	8.880	8.880	7.101	7.926	80	80	90
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30	30	105	20	350	350	525
- Thuế tài nguyên	11.600	11.600	8.206	8.012	71	71	102
<b>1.2. Thu từ DNNĐP</b>	<b>470</b>	<b>470</b>	<b>514</b>	<b>337</b>	109	109	153
- Thuế giá trị gia tăng	180	180	280	152	156	156	184
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	290	290	234	185	81	81	126
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-			
<b>2. Thu từ DN có vốn ĐT nước ngoài</b>			<b>499</b>				
- Thuế giá trị gia tăng			67				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			432				
<b>3. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh</b>	<b>40.160</b>	<b>42.160</b>	<b>27.317</b>	<b>21.641</b>	68	65	126
- Thuế giá trị gia tăng	24.090	25.090	18.394	13.142	76	73	140
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.370	1.370	1.420	784	104	104	181
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	160	160	150	112	94	94	
- Thuế tài nguyên	14.540	15.540	7.353	7.603	51	47	97
<b>3. Thu lệ phí trước bạ</b>	<b>13.000</b>	<b>13.000</b>	<b>12.206</b>	<b>8.694</b>	94	94	140
<b>4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>160</b>	<b>160</b>	<b>78</b>	<b>158</b>	49	49	49
<b>5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>			-				
<b>6. Phí, lệ phí</b>	<b>4.020</b>	<b>4.020</b>	<b>3.712</b>	<b>2.810</b>	92	92	132
<b>7. Tiền cho thuê đất</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	<b>923</b>	<b>1.532</b>	62	62	60
<b>8. Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>12.860</b>	<b>12.860</b>	<b>11.966</b>	<b>8.604</b>	93	93	139
<b>9. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>3.570</b>	<b>3.570</b>	<b>2.496</b>	<b>1.519</b>	70	70	164
<b>II. THU BIỆN PHÁP TÀI CHÍNH</b>	<b>63.050</b>	<b>67.050</b>	<b>44.664</b>	<b>25.671</b>	71	67	174
- Thu tiền sử dụng đất	58.000	62.000	40.398	21.101	70	65	191
- Thu khác ngân sách (Thu phạt hành chính, thu tịch thu, thu khác)	5.050	5.050	4.266	4.570	84	84	93
<b>B. CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP</b>	-	-	-	-			
- Các khoản huy động, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng				-			
- Các khoản huy động đóng góp khác				-			